

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 27



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An  
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Hải	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên
Ông Trương Hữu Quyền	Thành viên
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Hà	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đình Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Số: 097 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 27. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



  
**Lê Đình Tứ**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0488-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 14 tháng 8 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



**Bùi Văn Trịnh**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1808-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>323.120.854.639</b>	<b>303.472.120.588</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>121.836.276.030</b>	<b>126.659.994.615</b>
1. Tiền	111		29.155.676.934	35.331.574.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		92.680.599.096	91.328.420.102
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>131.168.710.529</b>	<b>117.862.297.905</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	117.714.601.856	112.334.480.223
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.183.601.986	8.524.774.651
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.748.182.227	1.665.766.883
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.477.675.540)	(4.662.723.852)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>66.284.650.314</b>	<b>54.490.283.280</b>
1. Hàng tồn kho	141		66.284.650.314	54.490.283.280
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.831.217.766</b>	<b>4.459.544.788</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.996.613.766	3.611.057.480
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	834.604.000	441.516.468
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	-	406.970.840
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>494.639.746.962</b>	<b>476.665.747.942</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.361.200.568</b>	<b>6.808.781.882</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	8.361.200.568	6.808.781.882
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>160.839.650.633</b>	<b>127.577.504.749</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	159.816.699.039	126.522.287.824
- Nguyên giá	222		333.290.174.609	287.209.572.236
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.473.475.570)	(160.687.284.412)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.022.951.594	1.055.216.925
- Nguyên giá	228		2.011.001.600	2.011.001.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(988.050.006)	(955.784.675)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>154.523.508.486</b>	<b>156.447.906.493</b>
- Nguyên giá	231		179.427.019.447	179.427.019.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.903.510.961)	(22.979.112.954)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>101.309.766.760</b>	<b>111.562.759.075</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		101.309.766.760	111.562.759.075
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>69.605.620.515</b>	<b>74.268.795.743</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	67.367.110.934	71.965.562.030
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	2.238.509.581	2.303.233.713
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>817.760.601.601</b>	<b>780.137.868.530</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU B 01a-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>306.462.648.521</b>	<b>294.044.478.920</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>118.229.664.756</b>	<b>106.502.847.018</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	22.629.106.019	25.516.177.835
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.963.024.983	1.845.215.964
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	36.943.705.733	23.296.013.939
4. Phải trả người lao động	314		13.294.126.263	12.144.134.990
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	9.319.318.654	352.001.091
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	16.681.506.835	30.559.687.504
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.398.876.269	12.789.615.695
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>188.232.983.765</b>	<b>187.541.631.902</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	161.984.479.574	162.355.164.092
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	26.248.504.191	25.186.467.810
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>511.297.953.080</b>	<b>486.093.389.610</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>511.297.953.080</b>	<b>486.093.389.610</b>
1. Vốn cổ phần	411		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.000.000.000	37.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		211.652.782.496	202.246.384.650
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.645.170.584	66.847.004.960
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>817.760.601.601</b>	<b>780.137.868.530</b>

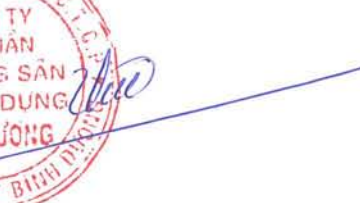


Nguyễn Hoàng Tâm  
Người lập biểu



Lục Thanh Sang  
Kế toán trưởng





Trần Đình Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU B 02a-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	363.427.904.128	274.163.802.867
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	53.065.000	4.037.633
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		363.374.839.128	274.159.765.234
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	227.766.266.757	182.172.056.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		135.608.572.371	91.987.708.421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.843.393.973	956.384.252
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	31	31.126.562.235	26.476.053.568
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	22.706.286.866	14.142.108.141
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		83.619.117.243	52.325.930.964
11. Thu nhập khác	31	29	1.496.984.758	7.978.585.959
12. Chi phí khác	32	30	1.294.286.314	2.437.849.828
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		202.698.444	5.540.736.131
<b>14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>83.821.815.687</b>	<b>57.866.667.095</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	19.049.882.234	12.674.346.092
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		64.724.132	554.971.681
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>64.707.209.321</b>	<b>44.637.349.322</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.304	1.616



Nguyễn Hoàng Tâm  
 Người lập biểu



Lục Thanh Sang  
 Kế toán trưởng



Trần Đình Hải  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 14 tháng 8 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	83.821.815.687	57.866.667.095
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	14.742.854.496	18.008.637.408
Các khoản dự phòng	03	814.951.688	(752.531.043)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.356.236.984)	(691.518.456)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(487.156.989)	(304.138.523)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	97.536.227.898	74.127.116.481
Tăng các khoản phải thu	09	(15.664.762.820)	(12.502.830.658)
Tăng hàng tồn kho	10	(11.794.367.034)	(8.184.180.312)
Tăng các khoản phải trả	11	18.068.446.864	11.047.330.653
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	6.090.948.810	(6.906.986.752)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.434.637.112)	(10.339.359.260)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.893.385.277)	(9.102.706.863)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>68.908.471.329</b>	<b>38.138.383.289</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(35.289.974.967)	(9.349.343.422)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	39.272.727
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	492.020.119	249.321.135
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(34.797.954.848)</b>	<b>(9.060.749.560)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(40.290.472.050)	(27.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(40.290.472.050)</b>	<b>(27.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(6.179.955.569)</b>	<b>2.077.633.729</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	126.659.994.615	83.664.567.396
	61	1.356.236.984	691.518.456
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>121.836.276.030</b>	<b>86.433.719.581</b>



Nguyễn Hoàng Tâm  
Người lập biểu



Lục Thanh Sang  
Kế toán trưởng





Trần Đình Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế điều chỉnh số 3700148825 ngày 09 tháng 3 năm 2012, Công ty tăng vốn điều lệ lên 180.000.000.000 đồng. Trong đó, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hiện đang sở hữu 50,05% vốn điều lệ của Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49,95%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 514 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 508 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mô; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cấu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp, cung cấp dịch vụ.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

0-002  
IÁNH  
TY  
HỮU  
ITTE  
NAM  
HỒ C

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ dài hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m<sup>2</sup> tại phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**Thuê tài sản**Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê đất tại Khu Công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng bắt đầu từ khi đưa bất động sản vào khai thác và sử dụng đến hết thời gian đầu tư của dự án vào năm 2053.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá và chi phí cải tạo các mỏ đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ một năm đến ba năm. Riêng các chi phí trả trước dài hạn liên quan đến mỏ đá Tân Mỹ được phân bổ theo sản lượng khai thác hàng năm tính trên tổng trữ lượng của mỏ.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê nhận tiền thuê trả trước nhiều năm được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn cổ phần khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn cổ phần.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các quỹ**

Theo điều lệ, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%
Quỹ đầu tư phát triển	10%



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Riêng Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được trích trong 6 tháng đầu năm 2015 là 1.000.000.000 đồng, quỹ thưởng Ban điều hành được trích là 2.000.000.000 đồng từ lợi nhuận còn lại của năm 2014 thực hiện theo Nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2015.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.173.963.000	579.190.575
Tiền gửi ngân hàng	27.981.713.934	34.752.383.938
Các khoản tương đương tiền	92.680.599.096	91.328.420.102
	<b><u>121.836.276.030</u></b>	<b><u>126.659.994.615</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là 3 tháng hoặc ngắn hơn. Lãi suất cố định 0,3%/năm áp dụng cho các khoản tiền gửi bằng Đô la Mỹ và 4%/năm áp dụng cho các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu của hoạt động kinh doanh khoáng sản	115.858.356.876	110.335.611.046
Phải thu của hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	1.856.244.980	1.998.869.177
	<b><u>117.714.601.856</u></b>	<b><u>112.334.480.223</u></b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.748.182.227</b>	<b>1.665.766.883</b>
Phải thu lãi tiền gửi	67.215.244	72.078.374
Phải thu người lao động	3.959.277.700	1.514.767.600
Các khoản phải thu khác	721.689.283	78.920.909
<b>b. Dài hạn</b>	<b>8.361.200.568</b>	<b>6.808.781.882</b>
Ký cược, ký quỹ	8.361.200.568	6.808.781.882
	<b><u>13.109.382.795</u></b>	<b><u>8.474.548.765</u></b>

**8. NỢ XẤU**

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.239.795.297	5.762.119.757	8.615.391.773	3.952.667.921

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.501.319.956	9.698.498.454
Công cụ, dụng cụ	385.583.845	453.467.512
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	216.099.598	333.166.100
Thành phẩm	55.145.282.054	43.965.766.059
Hàng hóa	36.364.861	39.385.155
	<b>66.284.650.314</b>	<b>54.490.283.280</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.996.613.766</b>	<b>3.611.057.480</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.916.277.345	2.220.276.724
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.080.336.421	1.390.780.756
<b>b. Dài hạn</b>	<b>67.367.110.934</b>	<b>71.965.562.030</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.665.438.119	746.932.306
- Chi phí trả trước dài hạn khác	65.701.672.815	71.218.629.724
	<b>70.363.724.700</b>	<b>75.576.619.510</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phát sinh	Số được khấu trừ	30/6/2015
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
<b>Các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	441.516.468	20.367.392.030	19.974.304.498	834.604.000
- Thuế thu nhập cá nhân	404.678.090	404.678.090	-	-
- Thuế tài nguyên	2.292.750	2.292.750	-	-
	<b>848.487.308</b>	<b>20.774.362.870</b>	<b>19.974.304.498</b>	<b>834.604.000</b>
	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/6/2015
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
<b>Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.082.228.949	16.630.135.654	15.698.571.645	3.013.792.958
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.569.992.476	19.049.882.234	16.434.637.112	6.185.237.598
Thuế tài nguyên	2.005.197.657	18.796.155.630	18.168.166.117	2.633.187.170
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	-	1.032.268.398	1.032.268.398	-
Thuế môn bài	-	18.000.000	18.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	615.897.663	608.536.898	7.360.765
Thuế bảo vệ môi trường	569.588.075	4.981.146.965	4.831.967.380	718.767.660
Các khoản phải nộp khác	15.069.006.782	10.285.682.800	969.330.000	24.385.359.582
	<b>23.296.013.939</b>	<b>71.409.169.344</b>	<b>57.761.477.550</b>	<b>36.943.705.733</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An  
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	96.837.608.168	141.786.493.088	46.242.214.225	2.343.256.755	287.209.572.236
Mua trong kỳ	-	7.615.911.444	1.342.872.727	-	8.958.784.171
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	37.121.818.202	-	-	-	37.121.818.202
Thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>133.959.426.370</b>	<b>149.402.404.532</b>	<b>47.585.086.952</b>	<b>2.343.256.755</b>	<b>333.290.174.609</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	40.314.693.445	81.767.563.343	37.093.350.435	1.511.677.189	160.687.284.412
Khấu hao trong kỳ	4.431.950.738	6.423.580.541	1.845.111.633	85.548.246	12.786.191.158
Thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>44.746.644.183</b>	<b>88.191.143.884</b>	<b>38.938.462.068</b>	<b>1.597.225.435</b>	<b>173.473.475.570</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>89.212.782.187</b>	<b>61.211.260.648</b>	<b>8.646.624.884</b>	<b>746.031.320</b>	<b>159.816.699.039</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>56.522.914.723</b>	<b>60.018.929.745</b>	<b>9.148.863.790</b>	<b>831.579.566</b>	<b>126.522.287.824</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 77.323.972.206 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 62.494.527.874 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015 và 30/6/2015	<u>1.807.721.600</u>	<u>203.280.000</u>	<u>2.011.001.600</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	752.504.675	203.280.000	955.784.675
Khấu hao trong kỳ	<u>32.265.331</u>	-	<u>32.265.331</u>
Tại ngày 30/6/2015	<u>784.770.006</u>	<u>203.280.000</u>	<u>988.050.006</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2015	<u>1.022.951.594</u>	-	<u>1.022.951.594</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.055.216.925</u>	-	<u>1.055.216.925</u>

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015 và 30/6/2015	<u>30.436.883.639</u>	<u>148.990.135.808</u>	<u>179.427.019.447</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	7.606.459.040	15.372.653.914	22.979.112.954
Khấu hao trong kỳ	<u>709.605.615</u>	<u>1.214.792.392</u>	<u>1.924.398.007</u>
Tại ngày 30/6/2015	<u>8.316.064.655</u>	<u>16.587.446.306</u>	<u>24.903.510.961</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2015	<u>22.120.818.984</u>	<u>132.402.689.502</u>	<u>154.523.508.486</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>22.830.424.599</u>	<u>133.617.481.894</u>	<u>156.447.906.493</u>

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

0-00  
IÁNH  
TY  
HỮU  
TTT  
NAM  
HỒ C

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Xây dựng cơ bản	101.309.766.760	111.562.759.075
	<u><b>101.309.766.760</b></u>	<u><b>111.562.759.075</b></u>
Trong đó:		
Khu công nghiệp Đất Cuốc	64.829.348.085	63.213.066.063
Mô cao lạnh Tân Lập	-	1.219.545.455
Mô đá Phước Vĩnh	12.337.234.800	12.337.234.800
Mô sét Phước Hòa	7.046.600.000	1.300.000.000
Khu dịch vụ	-	28.082.453.357
Mô cao lạnh Minh Long	3.227.403.975	2.908.532.064
Khác	13.869.179.900	2.501.927.336
	<u><b>101.309.766.760</b></u>	<u><b>111.562.759.075</b></u>

**16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và các kỳ kế toán trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2014	5.972.343.774	(3.444.224.983)	2.528.118.791
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(431.320.856)	206.435.778	(224.885.078)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<u><b>5.541.022.918</b></u>	<u><b>(3.237.789.205)</b></u>	<u><b>2.303.233.713</b></u>
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	233.648.004	(298.372.136)	(64.724.132)
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<u><b>5.774.670.922</b></u>	<u><b>(3.536.161.341)</b></u>	<u><b>2.238.509.581</b></u>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.536.161.341)	5.541.022.918
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.774.670.922	(3.237.789.205)
	<u><b>2.238.509.581</b></u>	<u><b>2.303.233.713</b></u>

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả cho hoạt động kinh doanh khoáng sản	15.558.823.428	17.465.268.289
Phải trả cho hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	7.070.282.591	8.050.909.546
	<u><b>22.629.106.019</b></u>	<u><b>25.516.177.835</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phí quản lý lòng hồ Dầu Tiếng	273.992.408	94.666.091
Chi phí khu công nghiệp Đất Cuốc	7.343.972.155	-
Chi phí nhà hàng tiệc cưới Thanh Bình	1.415.689.091	-
Khác	285.665.000	257.335.000
	<u><b>9.319.318.654</b></u>	<u><b>352.001.091</b></u>

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	161.984.479.574	162.355.164.092
	<u><b>161.984.479.574</b></u>	<u><b>162.355.164.092</b></u>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	706.971.190	558.606.618
Cổ tức cho cổ đông	13.528.395.800	27.036.102.800
Phải trả khác	2.446.139.845	2.964.978.086
	<u><b>16.681.506.835</b></u>	<u><b>30.559.687.504</b></u>

**21. DỰ PHÒNG**

	Dự phòng chi phí cải tạo môi trường	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2015	18.694.602.810	6.491.865.000	25.186.467.810
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	1.139.319.809	-	1.139.319.809
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(77.283.428)	-	(77.283.428)
Tại ngày 30/6/2015	<u><b>19.756.639.191</b></u>	<u><b>6.491.865.000</b></u>	<u><b>26.248.504.191</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Được phép phát hành:		
Số lượng cổ phần	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị (đồng)</b>	<b><u>180.000.000.000</u></b>	<b><u>180.000.000.000</u></b>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị (đồng)</b>	<b><u>180.000.000.000</u></b>	<b><u>180.000.000.000</u></b>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An  
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm/kỳ như sau**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	180.000.000.000	37.000.000.000	164.082.118.241	28.582.295.095	47.167.304.990	456.831.718.326
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	96.760.036.860	96.760.036.860
Trích lập vào các quỹ	-	-	4.790.985.657	4.790.985.657	(23.080.336.890)	(13.498.365.576)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014 như trình bày năm trước	180.000.000.000	37.000.000.000	168.873.103.898	33.373.280.752	66.847.004.960	486.093.389.610
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	33.373.280.752	(33.373.280.752)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2014 như được trình bày lại	180.000.000.000	37.000.000.000	202.246.384.650	-	66.847.004.960	486.093.389.610
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	64.707.209.321	64.707.209.321
Trích lập vào các quỹ	-	-	9.406.397.846	-	(21.909.043.697)	(12.502.645.851)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	<u>180.000.000.000</u>	<u>37.000.000.000</u>	<u>211.652.782.496</u>	<u>-</u>	<u>82.645.170.584</u>	<u>511.297.953.080</u>

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc trả cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 30% mệnh giá cổ phần. Trong kỳ, Công ty đã công bố chia cổ tức đợt 2 năm 2014 là 27.000.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 với tỷ lệ là 15% mệnh giá cổ phần (trong năm 2014, đã tạm ứng cổ tức đợt 1 với số tiền là 27.000.000.000 đồng tương ứng với tỉ lệ 15% mệnh giá cổ phần).

Trong kỳ, Công ty đã trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển của năm 2014 là 3.071.300.612 đồng theo Nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014, quỹ thưởng Ban điều hành công ty là 2.000.000.000 đồng từ lợi nhuận còn lại của năm 2014 theo Nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2015. Đồng thời, Ban Giám đốc Công ty đã tạm trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi 9.502.645.851 đồng, quỹ đầu tư phát triển là 6.335.097.234 đồng và quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 1.000.000.000 đồng từ lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2015. Số liệu cuối cùng trích các quỹ năm 2015 sẽ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chính thức tại đại hội thường niên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của Công ty là 1.356.236.984 đồng. Khoản tiền này không được sử dụng để chia cổ tức cho cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Đô la Mỹ (USD)	3.350.151	3.345.957
Đồng Euro (EUR)	7	7

**24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt trên hai lĩnh vực kinh doanh khoáng sản và lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong kỳ như sau:

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Hoạt động kinh doanh khoáng sản</b>		
Doanh thu	347.732.640.653	261.954.712.664
Giá vốn	<u>(218.668.519.693)</u>	<u>(174.300.813.257)</u>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<u><b>129.064.120.960</b></u>	<u><b>87.653.899.407</b></u>

**Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác**

Doanh thu	15.642.198.475	12.209.090.203
Giá vốn	<u>(9.097.747.064)</u>	<u>(7.871.243.556)</u>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<u><b>6.544.451.411</b></u>	<u><b>4.337.846.647</b></u>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam nên không có khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

**25. DOANH THU**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	347.785.705.653	261.954.712.664
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	<u>15.642.198.475</u>	<u>12.209.090.203</u>
	<u><b>363.427.904.128</b></u>	<u><b>274.163.802.867</b></u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	<u>53.065.000</u>	<u>4.037.633</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	218.668.519.693	174.300.813.257
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.097.747.064	7.871.243.556
	<b><u>227.766.266.757</u></b>	<b><u>182.172.056.813</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.070.814.822	35.751.955.668
Chi phí nhân công	39.299.663.781	30.957.241.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.406.660.217	17.548.020.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.854.972.296	109.828.998.889
Chi phí khác	51.967.004.742	28.704.001.932
	<b><u>281.599.115.858</u></b>	<b><u>222.790.218.522</u></b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi	487.156.989	264.865.796
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.356.236.984	691.518.456
	<b><u>1.843.393.973</u></b>	<b><u>956.384.252</u></b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu từ thanh lý tài sản	1.818.182	39.272.727
Các khoản thu nhập khác	1.495.166.576	7.939.313.232
	<b><u>1.496.984.758</u></b>	<b><u>7.978.585.959</u></b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí khác	1.294.286.314	2.437.849.828
	<b><u>1.294.286.314</u></b>	<b><u>2.437.849.828</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi phí lương nhân viên quản lý	10.638.828.338	8.582.041.921
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	606.650.804	1.791.980.419
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.009.053.517	2.121.460.305
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.451.754.207	1.646.625.496
	<b>22.706.286.866</b>	<b>14.142.108.141</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi phí lương nhân viên bán hàng	5.167.202.727	4.206.247.881
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.399.505.466	2.019.036.124
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.215.045.042	19.126.655.996
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1.344.809.000	1.124.113.567
	<b>31.126.562.235</b>	<b>26.476.053.568</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	83.821.815.687	57.866.667.095
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.356.236.984)	(1.353.478.956)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.124.795.090	1.097.475.917
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>86.590.373.793</b>	<b>57.610.664.056</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>19.049.882.234</b>	<b>12.674.346.092</b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế	64.707.209.321	44.637.349.322
Trừ: lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(1.356.236.984)	(691.518.456)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	64.724.132	554.971.681
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(9.502.645.851)	(6.689.879.758)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>53.913.050.618</b>	<b>37.810.922.789</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	23.400.000	23.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.304</b>	<b>1.616</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An  
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành là 5.400.000 cổ phần. Tại ngày 01 tháng 7 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 5.400.000 cổ phần. Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số đã báo cáo	2.472
Điều chỉnh do áp dụng chính sách kế toán mới	(372)
Điều chỉnh cho việc phát hành thêm cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần	(484)
<b>Số liệu trình bày lại</b>	<b><u>1.616</u></b>

**34. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 203/2013/NĐ-CP (“Nghị định 203”) quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nghị định 203 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2015. Căn cứ theo Nghị định 203, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng địa chất còn lại kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tại ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ có ban hành Công văn số 723/TTg-KTN đồng ý chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho phần trữ lượng đã khai thác trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và giao Bộ Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, việc xác định và ghi nhận giá trị quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tùy thuộc vào quyết định và hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện tính toán và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dựa trên sản lượng khoáng sản thực tế khai thác được trong 6 tháng đầu năm 2015.

**35. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>2.446.013.966</u>	<u>2.450.885.986</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trong vòng một năm	4.711.248.663	4.863.567.059
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	18.844.994.652	17.823.193.857
Sau năm năm	157.295.895.409	152.774.841.170
	<b><u>180.852.138.724</u></b>	<b><u>175.461.602.086</u></b>

Các khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản tiền thuê phải thu từ việc cho thuê đất tại Khu công nghiệp Đất Cuốc với thời hạn thuê trung bình 47 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.836.276.030	126.659.994.615
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.985.108.543	109.337.523.254
Ký quỹ dài hạn	8.361.200.568	6.808.781.882
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>247.182.585.141</u></b>	<b><u>242.806.299.751</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	38.603.641.664	55.517.258.721
Chi phí phải trả	9.319.318.654	352.001.091
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>47.922.960.318</u></b>	<b><u>55.869.259.812</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị còn lại ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	72.966.296.839	58.372.237.119	-	-
Đồng Euro (EUR)	175.067	209.142	-	-

Công ty có rủi ro tỷ giá phát sinh trong việc thanh toán lại các khoản tiền thuê nhận trước từ khách hàng thuê khu công nghiệp. Ảnh hưởng của khoản chênh lệch tỷ giá này đã được Công ty đảm bảo bằng việc ký gửi ngoại tệ ngắn hạn tại ngân hàng.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm.

***Rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
30/6/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.836.276.030	-	121.836.276.030
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.985.108.543	-	116.985.108.543
Ký quỹ dài hạn	-	8.361.200.568	8.361.200.568
	<b>238.821.384.573</b>	<b>8.361.200.568</b>	<b>247.182.585.141</b>
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	38.603.641.664	-	38.603.641.664
Chi phí phải trả	9.319.318.654	-	9.319.318.654
	<b>47.922.960.318</b>	<b>-</b>	<b>47.922.960.318</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>190.898.424.255</b>	<b>8.361.200.568</b>	<b>199.259.624.823</b>
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.659.994.615	-	126.659.994.615
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.337.523.254	-	109.337.523.254
Ký quỹ dài hạn	-	6.808.781.882	6.808.781.882
	<b>235.997.517.869</b>	<b>6.808.781.882</b>	<b>242.806.299.751</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	55.517.258.721	-	55.517.258.721
Chi phí phải trả	352.001.091	-	352.001.091
	<b>55.869.259.812</b>	<b>-</b>	<b>55.869.259.812</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>180.128.258.057</b>	<b>6.808.781.882</b>	<b>186.937.039.939</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<b>1.480.873.000</b>	<b>1.280.033.000</b>

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An  
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau
	VND	VND	phân loại lại VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	150.999.283	1.514.767.600	1.665.766.883
Phải thu dài hạn khác	-	6.808.781.882	6.808.781.882
Quỹ đầu tư phát triển	168.873.103.898	33.373.280.752	202.246.384.650
Quỹ dự phòng tài chính	33.373.280.752	(33.373.280.752)	-



**Nguyễn Hoàng Tâm**  
Người lập biểu



**Lục Thanh Sang**  
Kế toán trưởng




**Trần Đình Hải**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2015